

Số: 003/2020/BC.ĐHĐCĐ

Cần Thơ, ngày 22 tháng 05 năm 2020

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ KIỂM TOÁN NĂM 2019
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG****Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang được ban hành ngày 25/06/2019,

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 của Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang đã được Công ty TNHH Deloitte (Việt Nam) kiểm toán. Tài liệu Báo cáo đã đăng tải trên website của Công ty: www.dhgpharma.com.vn và website của SGDCK Tp.HCM: www.hsx.vn. Tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2019, Hội đồng quản trị chỉ xin trình bày trước Đại hội Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 đã tóm tắt của Công ty như sau:

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	Khoản mục	01/01/2019 (VNĐ)	31/12/2019 (VNĐ)
	TỔNG TÀI SẢN	4.205.964.486.794	4.146.818.721.257
A	Tài sản ngắn hạn	3.147.636.450.849	3.133.924.348.700
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	75.835.597.431	70.328.408.693
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.459.722.000.000	1.768.000.000.000
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	669.787.225.237	560.791.995.735
IV	Hàng tồn kho	891.486.976.436	725.438.891.568
V	Tài sản ngắn hạn khác	50.804.651.745	9.365.052.704
B	Tài sản dài hạn	1.058.328.035.945	1.012.894.372.557
I	Các khoản phải thu dài hạn	1.560.000.000	459.000.000
II	Tài sản cố định	976.618.370.054	900.116.925.455
III	Bất động sản đầu tư	247.880.293	15.345.447.332
IV	Tài sản dở dang dài hạn	14.087.991.804	28.927.855.544
V	Đầu tư tài chính dài hạn	25.219.928.995	28.122.793.643
VI	Tài sản dài hạn khác	40.593.864.799	39.922.350.583
	TỔNG NGUỒN VỐN	4.205.964.486.794	4.146.818.721.257
A	Nợ phải trả	1.061.702.377.563	769.267.239.060
I	Nợ ngắn hạn	1.001.487.737.988	704.899.493.292
II	Nợ dài hạn	60.214.639.575	64.367.745.768
B	Vốn chủ sở hữu	3.144.262.109.231	3.377.551.482.197
I	Vốn góp của chủ sở hữu	1.307.460.710.000	1.307.460.710.000

STT	Khoản mục	01/01/2019 (VNĐ)	31/12/2019 (VNĐ)
II	Thặng dư vốn cổ phần	6.778.948.000	6.778.948.000
III	Quỹ đầu tư và phát triển	1.270.235.596.228	1.392.604.475.464
IV	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	550.252.659.422	665.297.795.718
V	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	9.534.195.581	5.409.553.015

II. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2019

STT	Khoản mục	Năm 2018 (VNĐ)	Năm 2019 (VNĐ)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.421.559.894.432	4.413.958.643.618
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	539.431.684.721	517.204.814.394
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.882.128.209.711	3.896.753.829.224
4	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	2.165.405.025.080	2.184.461.607.643
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.716.723.184.631	1.712.292.221.581
6	Doanh thu hoạt động tài chính	107.785.026.956	122.487.815.915
7	Chi phí tài chính	96.053.992.493	98.859.012.607
	<i>Trong đó: Chí phí lãi vay</i>	28.523.706.808	22.715.202.068
8	Phần lỗ trong công ty liên kết	(86.927.791)	(112.629.706)
9	Chi phí bán hàng	724.884.959.648	687.045.221.994
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	285.637.232.611	333.829.908.766
11	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	717.845.099.044	714.933.264.423
12	Thu nhập khác	18.209.846.265	15.583.127.368
13	Chi phí khác	4.272.517.757	17.321.295.887
14	Lợi nhuận/(lỗ) khác	13.937.328.508	(1.738.168.519)
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	731.782.427.552	713.195.095.904
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	55.332.650.287	83.855.680.646
17	Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	25.360.746.447	(1.924.038.290)
18	Lợi nhuận sau thuế TNDN	651.089.030.818	631.263.453.548
	Phân bổ cho:		
	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	653.029.446.317	635.388.096.114
	Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát	(1.940.415.499)	(4.124.642.566)
19	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.451	4.668

III. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2018 (VNĐ)	Năm 2019 (VNĐ)
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1	Lợi nhuận trước thuế	731.782.427.552	713.195.095.904
2	Điều chỉnh cho các khoản:		
	Khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư	88.607.459.577	88.710.979.693
	Các khoản dự phòng	3.326.854.111	26.907.747.769
	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(256.709.543)	42.737.167
	Lãi từ hoạt động đầu tư	(111.551.817.456)	(122.667.908.308)
	Chi phí lãi vay	28.523.706.808	22.715.202.068
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	740.431.921.049	728.903.854.293
	Thay đổi các khoản phải thu	102.583.668.709	119.150.350.172
	Thay đổi hàng tồn kho	(256.037.269.896)	165.771.307.812
	Thay đổi các khoản phải trả	(114.239.302.717)	(41.251.889.486)
	Thay đổi chi phí trả trước	9.533.005.655	3.463.741.092
	Tiền lãi vay đã trả	(28.505.436.659)	(22.858.370.847)
	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(76.742.927.770)	(65.982.154.011)
	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(86.232.427.352)	(48.956.622.398)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	290.791.231.019	838.240.216.627
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1	Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(40.845.253.595)	(57.101.418.800)
2	Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	9.906.521.326	11.584.129.859
3	Tiền chi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn	(2.795.800.810.202)	(3.015.673.917.808)
4	Tiền thu hồi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn	2.280.521.910.076	2.711.687.125.261
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(160.000.000)	-
6	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	85.825.118.708	125.848.754.578
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(460.552.513.687)	(223.655.326.910)
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
1	Tiền thu từ đi vay	2.851.557.133.423	1.916.023.391.699
2	Tiền trả nợ gốc vay	(2.763.455.806.004)	(2.209.257.867.364)
3	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(392.238.213.000)	(326.865.177.500)
	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	(304.136.885.581)	(620.099.653.165)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(473.898.168.249)	(5.514.763.448)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	549.777.216.585	75.835.597.431
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(43.450.905)	7.574.710
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	75.835.597.431	70.328.408.693

IV. MỘT SỐ TỶ SỐ TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2018	Năm 2019
1	Cơ cấu tài sản			
	Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	74,84%	75,57%
	Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	25,16%	24,43%
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	25,24%	18,55%
	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	74,76%	81,45%
3	Khả năng thanh toán			
	Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	3,14	4,45
	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	2,25	3,42
	Khả năng thanh toán bằng tiền mặt	Lần	0,08	0,10
4	Tỷ suất lợi nhuận			
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	16,77%	16,20%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	15,70%	15,12%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	22,06%	19,36%

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhân:

- Như trên;
- Lưu: Thư ký HĐQT, TBKT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC**

Masashi Nakaura

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị, Tiểu ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang (gọi tắt là "Công ty mẹ") và Công ty con (Công ty mẹ và Công ty con sau đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 23 tháng 3 năm 2020, từ trang 4 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Võ Thái Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0138-2018-001-1
**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH
DELOITTE VIỆT NAM**
Ngày 23 tháng 3 năm 2020
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Nguyễn Thị Thanh Huyền
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3026-2019-001-1